

Tiếng Việt

TỪ LÁY

I. Các loại từ láy

1. Phân tích ngữ liệu

- Đăm đăm: các tiếng lặp lại hoàn toàn
-> láy toàn bộ.
 - Mếu máo: lặp lại phụ âm đầu.
 - Liêu xiêu: lặp lại phần vần.
-> láy bộ phận.
- * Có 2 loại từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận.

II. Nghĩa của từ láy

1. Phân tích ngữ liệu: SGK/42

- Ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu

→ mô phỏng âm thanh

→ Từ tượng thanh .

- Lí nhí, li ti, ti hí

Âm thanh: Láy lại nguyên âm "i" độ mở bé nhất, âm lượng nhỏ.

- Nghĩa: Những sự vật, sự việc nhỏ bé, nhỏ nhẹ...

- Nhấp nhô, phập phồng, bập bênh

- Âm thanh: láy lại phụ âm đầu

- Nghĩa: biểu thị trạng thái vận động xuống, lên liên tiếp, khi phồng khi xẹp khi nổi khi chìm...

→ Nghĩa của từ láy tạo thành nhờ đặc điểm âm thanh và sự hoà âm phối thanh giữa các tiếng.

- **Mềm mại**: Sắc thái biểu cảm hơn so với tiếng gốc **mềm**.

- **Đo đo**: Sắc thái nghĩa giảm nhẹ (nhạt hơn) so với tiếng gốc **đỏ**.

→ Nghĩa của từ láy có sắc thái riêng so với tiếng gốc.

2. Ghi nhớ (SGK-42)

III. Luyện tập

Bài tập 1

Từ láy toàn bộ: **Bần bật, thăm thẳm, chiến chiến, chiêm chiêm.**

Từ láy bộ phận: **Nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, rục rũ, nhảy nhót, nặng nề.**

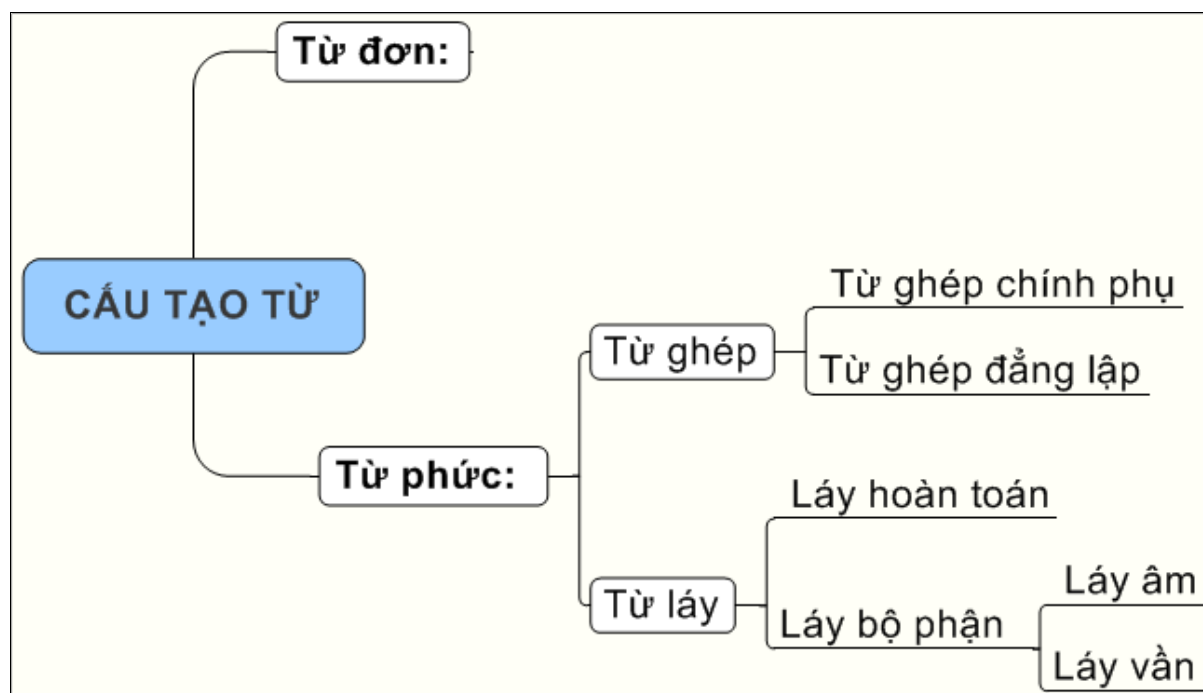
Bài tập 4

VD:

- Cô ấy có dáng người nhỏ nhắn, trông thật dễ thương.
- Cậu đừng nghĩ những chuyện nhỏ nhặt ấy nữa.

Bài tập

Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) kể lại kỉ niệm ngày đầu tiên vào lớp 7, có sử dụng từ láy và từ ghép, gạch chân dưới các từ đó.



I. Thế nào là đại từ

1. Phân tích ngữ liệu

Các từ: nó, thế, ai dùng để trỏ người, vật, sự việc, dùng để hỏi; làm CN, VN, phụ ngữ.

=> đại từ.

2. Ghi nhớ (SGK-55)

II. Các loại đại từ

1. Đại từ để trỏ

a. Phân tích ngữ liệu

- Chúng tôi, chúng tao, tao, tôi, nó...

-> Trỏ người, sự vật .

- Bấy, bấy nhiêu ...

-> Trỏ số lượng.

- Vậy, thế ...

-> Trỏ hoạt động, tính chất, sự việc.

=> Nhóm đại từ dùng để trỏ.

b. Ghi nhớ (SGK- 56).

2. Đại từ để hỏi

a. Phân tích ngữ liệu

a. Ai, gì, nào... -> Hỏi về người, sự vật.

b. Bao nhiêu, mấy... -> Hỏi về số lượng.

c. Sao, thế nào ... -> Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc.

-> Đại từ để hỏi.

b. Ghi nhớ (SGK- 56)

III. Luyện tập

Bài 1/56

a, Tìm và phân loại đại từ x- ng hô.

+ Ngôi 1 số ít: Tôi, ta, tao, tớ, tui, mình./ Số nhiều: Chúng tao, chúng ta.

+ Ngôi 2 số ít: cậu, bạn, mày, bay, mi./ Số nhiều: Chúng mày..

+ Ngôi 3 số ít: Nó, hắn, y, thị./ Số nhiều: Chúng nó, họ

b, Xác định nghĩa của đại từ trong câu.

- *Mình* trong câu nói.

- *Mình* trong bài ca dao chỉ ng- ời đối thoại.

Bài 2/57

Tìm VD về danh từ chỉ ng- ời đ- ọc đ- ể nh- đại từ x- ng hô.

VD: Anh, chị, em, cậu, mợ, thím.

Bài 4, 5/57

+ Số l- ợng: từ x- ng hô tiếng Việt nhiều hơn, phong phú, đa dạng hơn.

+ ý nghĩa biểu cảm: Đại từ x- ng hô TV đậm sắc thái biểu cảm. (vì ng- ời Việt th- ờng bộc lộ trực tiếp quan hệ của ng- ời nói với ng- ời nghe).